

Vietnam Daily Review

Giảm như có như không mà thôi

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/2/2022		•	
Tuần 14/2-18/2/2022		•	
Tháng 2/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngưỡng 1500 có vẻ vẫn là một trở ngại tâm lí lớn đối với đa số nhà đầu tư. Mở cửa với cú nhảy vọt tham vọng, nhưng VN-Index đã ngã ngựa ngay khi chỉ còn cách mục tiêu 0.5 điểm. Sau đó, chỉ số bị lực bán kéo lê xuống, từng bước từng bước xa dần 1500. Sau khi mất khoảng chừng là 13 điểm, chỉ số vùng lên một lần cuối và đóng cửa tại mốc 1492 điểm, giảm 0.65 điểm so với ngày hôm qua. Trong khi nhóm cổ phiếu Bất động sản, xây dựng đã có một phiên giao dịch tích cực thì nhóm Ngân hàng lại có diễn biến không mấy khả quan, cộng thêm một số mã bluechip đồng loạt giảm đã cản trở đà tăng của chỉ số. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Xu hướng hiện tại vẫn đang ủng hộ nhịp tích lũy trong vùng 1480-1490.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30 trừ VN30F2209. Các nhà đầu tư có thể xem xét canh bán HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/02/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: LCG_Tín hiệu hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.65** điểm, đóng cửa **1,492.1** điểm. HNX-Index **+5.28** điểm, đóng cửa **429.12** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **DIG (+0.74)**, **BVH (+0.51)**, **GEX (+0.47)**, **GVR (+0.41)**, **REE (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.37)**, **BID (-1.31)**, **VIC (-0.77)**, **MSN (-0.71)**, **NVL (-0.43)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,728** tỷ đồng, tăng **1.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,046 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12.82 điểm. Thị trường có **249** mã tăng, 59 mã tham chiếu và **183** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-9.34** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-79.72 tỷ)**, **HPG (-55.45 tỷ)**, **HDB (-34.34 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.53** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1492.10**
Giá trị: 17728.2 tỷ **-0.65 (-0.04%)**
Khối ngoại (ròng): -9.34 tỷ

HNX-INDEX **429.12**
Giá trị: 2081.17 tỷ **5.28 (1.25%)**
Khối ngoại (ròng): -13.53 tỷ

UPCOM-INDEX **111.80**
Giá trị: 1295.2 tỷ **0.58 (0.52%)**
Khối ngoại (ròng): -25.76 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	93.0	1.00%
Giá vàng	1,857	0.16%
Tỷ giá USD/VND	22,763	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,893	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	19,686	0.07%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	4.15%
LS TPCP 5 năm	1.0%	-9.52%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	67.1	VNM	-79.7
STB	52.9	HPG	-55.4
MSN	48.1	HDB	-34.3
GMD	32.6	NVL	-32.7
VCG	26.6	DXG	-26.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

LCG_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: LCG đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh về ngưỡng đáy 17.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm trên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và đang tiến tới MA50 trong phiên giao dịch hôm nay, cho thấy xu hướng tăng giá đang dần hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 20.3, chốt lãi tại ngưỡng 23.2 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 19.3.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

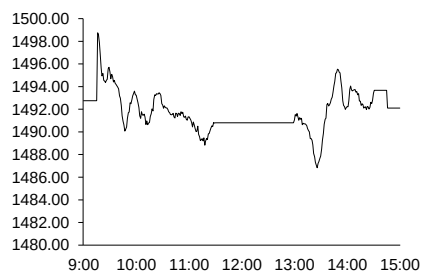
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	3.10%
Ô tô và phụ tùng	2.62%
Xây dựng và Vật liệu	2.21%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.78%
Truyền thông	1.39%
Dịch vụ tài chính	1.38%
Hóa chất	1.31%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.56%
Công nghệ Thông tin	0.40%
Bất động sản	0.37%
Tài nguyên Cơ bản	0.36%
Du lịch và Giải trí	0.26%
Y tế	0.17%
Dầu khí	0.14%
Bán lẻ	-0.34%
Thực phẩm và đồ uống	-0.62%
Ngân hàng	-0.73%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.34%
Viễn thông	-1.75%

Hình 1

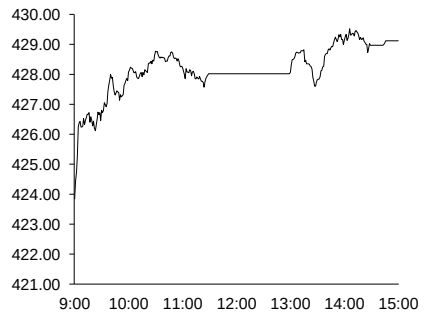
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

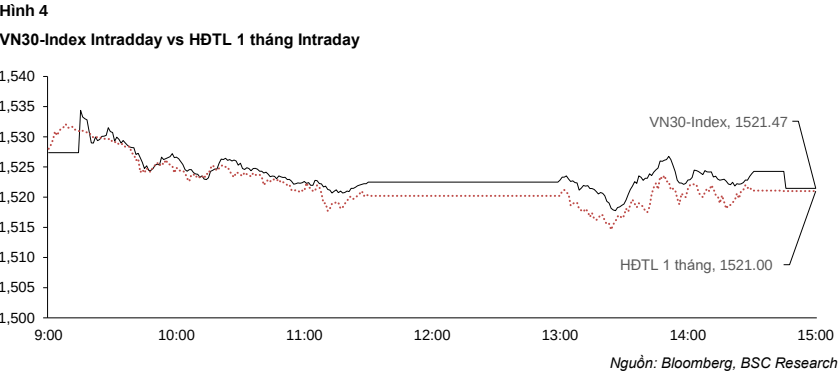
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/15/2022	PAC	38.5	41.25	36.5	37.2	1	-3.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/14/2022	ASM	16.1	18	15	17.3	2	7.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/10/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	49	6	2.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/8/2022	HPG	45.55	55	42	46	8	0.99%	Có thể tiếp tục mua
2/7/2022	GMD	46	52	43.75	49.4	9	7.39%	Có thể tiếp tục mua
1/28/2022	MBS	32.5	38	31.9	33.7	19	3.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2022	HDG	60.1	67	58	64.4	20	7.15%	Có thể tiếp tục mua
1/25/2022	GAS	109.5	121	106	114.5	22	4.57%	Có thể tiếp tục mua
1/19/2022	PHR	79.1	95.1	74	81.5	28	3.03%	Có thể tiếp tục mua
12/31/2021	PNJ	96	110.2	90.6	106.3	47	10.73%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/21/2022	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
1/20/2022	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
1/18/2022	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
1/17/2022	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
1/14/2022	NBC	17.4	19.7	16.5	SL	4	-5.17%
1/13/2022	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
1/12/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
1/11/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
1/10/2022	SD9	15.1	19.5	14	SL	2	-7.28%
1/7/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	SL	6	-3.28%
1/6/2022	D2D	65.3	70	60	SL	11	-8.12%
1/5/2022	GVR	38.4	43	37.5	SL	8	-2.34%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	1	4.48%	-3.38%	4.44%	18
Cổ phiếu đã chốt	230	176	7.92%	-7.38%	5.04%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2202	1521.00	-0.07%	-0.47	13.3%	153,863	2/17/2022	3
VN30F2203	1520.80	-0.01%	-0.67	62.1%	7,572	3/17/2022	31
VN30F2206	1512.50	-0.03%	-8.97	73.9%	40	6/16/2022	122
VN30F2209	1510.10	0.05%	-11.37	-4.4%	43	9/15/2022	213

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -5.89 điểm xuống 1521.47 điểm. Các cổ phiếu như GAS, BID, VIC, MSN, NVL, EIB đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay cho thấy VN30 vẫn chưa có tiềm lực bứt phá mạnh mẽ và nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì xu hướng vận động trong vùng 1500-1550 điểm.

- Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30 trừ VN30F2209. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng trừ VN30F2209. Xét về vị thế mở, hai HĐ VN30F2206 và VN30F2202 giảm, hai HĐ còn lại tăng. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở tăng mạnh cho thấy xu hướng short mạnh. Các nhà đầu tư có thể xem xét canh bán HĐ ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2106	3/14/2022	26	4.968:1	108,000	30.16%	2,600	1,970	3.68%	1,957	1.01	134,951	98,000	106,300
CVPB2108	7/3/2022	137	2.776:1	514,500	32.32%	2,200	830	0.00%	354	2.34	53,570	64,500	35,650
CKDH2107	4/27/2022	70	8:1	169,200	34.57%	1,300	1,700	0.00%	1,322	1.29	52,588	43,888	53,800
CTCB2201	9/20/2022	216	4:1	125,600	32.22%	2,100	2,030	-0.98%	1,067	1.90	57,400	55,000	51,600
CVHM2201	9/21/2022	217	16:1	194,300	29.35%	1,300	960	-1.03%	320	3.00	101,278	87,678	80,000
CHPG2202	9/21/2022	217	10:1	965,600	34.45%	1,100	770	-1.28%	261	2.95	62,638	53,888	46,000
CVHM2114	5/4/2022	77	16:1	13,400	29.35%	1,100	540	-1.82%	85	6.32	94,549	89,999	80,000
CMSN2201	9/21/2022	217	20:1	51,100	36.98%	2,000	1,450	-2.03%	748	1.94	174,549	169,999	158,100
CACB2102	7/1/2022	135	2:1	423,900	32.44%	2,900	2,230	-2.62%	1,300	1.71	38,360	35,000	34,200
CMSN2104	5/4/2022	77	9.987:1	204,800	36.98%	5,200	4,260	-2.96%	4,182	1.02	118,110	0	158,100
CVIC2109	5/24/2022	97	5:1	190,200	29.51%	2,500	1,090	-3.54%	126	8.63	108,200	102,000	82,900
CVIC2109	5/24/2022	97	5:1	190,200	29.51%	2,500	1,090	-3.54%	126	8.63	108,200	102,000	82,900
CVIC2106	4/27/2022	70	20:1	46,100	29.51%	1,000	480	-4.00%	27	17.90	100,138	98,888	82,900
CMBB2109	5/4/2022	77	5:1	131,900	32.04%	1,100	900	-4.26%	401	2.24	34,789	32,789	32,650
CVHM2111	4/27/2022	70	20:1	92,600	29.35%	1,000	380	-5.00%	71	5.37	94,108	88,888	80,000
CVHM2113	7/1/2022	135	5:1	376,600	29.35%	3,270	1,380	-5.48%	538	2.57	91,450	90,000	80,000
CHPG2113	3/7/2022	19	4:1	472,400	34.45%	2,400	320	-5.88%	31	10.39	63,900	51,500	46,000
CMWG2112	3/1/2022	13	5:1	311,100	30.98%	3,420	470	-9.62%	136	3.44	231,142	140,000	132,900
CMSN2107	3/14/2022	26	4.993:1	1,800	36.98%	3,100	2,110	-11.72%	2,268	0.93	151,259	150,000	158,100
CVHM2110	3/7/2022	19	7.588:1	619,200	29.35%	1,800	360	-14.29%	72	5.01	100,994	84,994	80,000
Tổng				5,094,500	32.24%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/02/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CACB2103 và CNVL2104 có mức tăng trưởng tốt nhất, đều ở mức 106.38%. Giá trị giao dịch giảm mạnh -31.10%. CHPG2113 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.01% thị trường.

- CSTB2112, CSTB2202, CMBB2201 và CMWG2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2109, CHDB2201, CVHM2115 và CMSN2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CSTB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	132.9	-0.3%	0.8	4,119	3.2	6,936	19.2	4.7	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	106.3	0.8%	1.0	1,051	3.5	4,543	23.4	4.0	47.5%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	57.4	4.7%	1.4	1,853	4.7	2,501	22.9	2.0	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	48.7	0.8%	0.5	496	0.2	3,543	13.7	1.5	57.8%	10.9%	
VIC	Bất động sản	82.9	-1.0%	0.7	13,747	7.2	(759)	N/A	N/A	2.8	13.1%	-3.1%
VRE	Bất động sản	34.3	0.9%	1.1	3,389	7.0	578	59.3	2.5	30.0%	4.4%	
VHM	Bất động sản	80.0	0.0%	1.1	15,146	8.1	9,048	8.8	2.7	23.8%	36.4%	
DXG	Bất động sản	37.5	0.4%	1.3	970	10.9	1,941		2.5	28.8%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	44.9	1.6%	1.5	1,919	9.5	2,768	16.2	3.1	39.1%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	59.3	2.2%	1.0	859	2.9	4,512	13.1	3.0	20.4%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	37.3	1.2%	1.5	741	4.0	2,805	13.3	2.3	44.1%	19.5%	
FPT	Công nghệ	91.3	0.2%	0.9	3,603	2.5	4,354	21.0	4.6	49.0%	25.7%	
FOX	Công nghệ	73.5	1.0%	0.4	1,049	0.0	4,304	17.1	5.1	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	114.5	-2.5%	1.3	9,528	3.6	4,381	26.1	4.3	2.9%	17.4%	
PLX	Dầu khí	59.0	0.0%	1.5	3,259	4.7	2,337	25.2	3.0	17.2%	12.3%	
PVS	Dầu khí	29.2	-0.3%	1.7	607	11.9	1,260	23.2	1.2	9.2%	5.0%	
BSR	Dầu khí	26.4	-1.5%	0.8	3,559	22.7	(909)		2.6	41.1%	-8.7%	
DHG	Dược	101.8	0.6%	0.4	579	0.1	5,720	17.8	3.5	54.3%	20.3%	
DPM	Hóa chất	48.4	3.9%	0.8	824	17.0	7,914	6.1	1.8	9.1%	33.5%	
DCM	Hóa chất	30.7	3.0%	0.7	707	7.3	3,313	9.3	2.1	5.8%	25.3%	
VCB	Ngân hàng	87.0	0.0%	1.1	17,901	4.9	5,005	17.4	3.7	23.6%	21.4%	
BID	Ngân hàng	45.2	-2.3%	1.3	9,930	5.5	2,090	21.6	2.7	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	34.7	-0.9%	1.3	7,240	11.9	2,940	11.8	1.8	26.0%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	35.7	-0.8%	1.2	6,890	10.8	2,667	13.4	2.0	15.2%	18.0%	
MBB	Ngân hàng	32.7	-0.2%	1.2	5,364	13.2	3,362	9.7	2.1	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	34.2	-0.9%	1.0	4,018	7.6	3,554	9.6	2.1	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	59.0	0.2%	0.7	210	0.2	2,618	22.5	2.1	85.0%	9.0%	
NTP	Nhựa	65.5	0.9%	0.4	335	0.4	3,951	16.6	2.9	18.0%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	24.9	0.4%	0.8	1,190	0.2	39	638.5	2.0	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	46.0	0.0%	1.1	8,946	18.7	7,708	6.0	2.3	23.3%	46.1%	
HSG	Thép	36.5	1.4%	1.4	782	9.1	8,581	4.2	1.6	6.9%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	80.4	-1.0%	0.6	7,306	9.9	4,518	17.8	5.1	54.5%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	168.4	-0.9%	0.8	4,695	0.8	5,663	29.7	5.1	62.5%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	158.1	-1.5%	0.9	8,115	5.7	7,257	21.8	5.7	28.7%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	23.0	2.4%	1.3	629	2.9	1,097	21.0	1.7	7.1%	7.8%	
ACV	Vận tải	96.0	-0.5%	0.8	9,086	0.2	577	166.4	5.6	3.7%	3.4%	
VJC	Vận tải	139.2	0.0%	1.1	3,278	3.9	2,271		4.5	16.5%	7.7%	
HVN	Vận tải	26.4	0.4%	1.7	2,537	4.4	(6,523)		24.4	6.0%	-267.4%	
GMD	Vận tải	49.4	1.0%	1.0	647	3.1	1,846	26.8	2.4	42.3%	9.1%	
PVT	Vận tải	23.0	0.7%	1.4	323	1.5	2,066	11.1	1.4	12.5%	13.3%	
VCS	Vật liệu xây dựng	108.1	0.5%	0.8	752	0.2	10,538	10.3	3.5	3.9%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	54.6	1.9%	0.5	1,064	3.3	2,738	19.9	3.4	3.9%	18.2%	
HT1	Vật liệu xây dựng	21.8	1.6%	0.9	362	0.7	969	22.5	1.6	2.0%	7.0%	
CTD	Xây dựng	94.3	1.9%	1.1	303	1.6	310	303.7	0.9	47.2%	0.3%	
CII	Xây dựng	29.2	7.0%	0.8	303	14.3	(1,434)	N/A	N/A	1.4	11.2%	-7.1%
REE	Điện	72.3	5.9%	-1.4	971	3.5	6,001	12.0	1.7	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	35.6	-0.4%	-0.4	363	2.1	2,997	11.9	1.8	4.8%	15.9%	
POW	Điện	18.2	0.6%	0.6	1,853	11.4	759	24.0	1.4	2.6%	6.1%	
NT2	Điện	24.2	1.7%	0.6	303	0.4	1,778	13.6	1.6	14.1%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	57.7	0.0%	1.2	1,429	15.1	1,593	36.2	2.4	17.5%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	81.8	0%	1.1	3,681	0.5			5.4	2.4%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIG	84.40	6.97	0.71	3.27MLN
BVH	57.40	4.74	0.50	1.91MLN
GEX	39.00	5.55	0.45	19.38MLN
GVR	33.75	1.20	0.41	760900
REE	72.30	5.86	0.32	1.13MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.43	723400	1.11MLN
BID	0.00	-1.09	2.80MLN	607060
VIC	0.00	-0.78	1.99MLN	373600
MSN	0.00	-0.73	823200	192700
EIB	0.00	-0.46	931500	611640

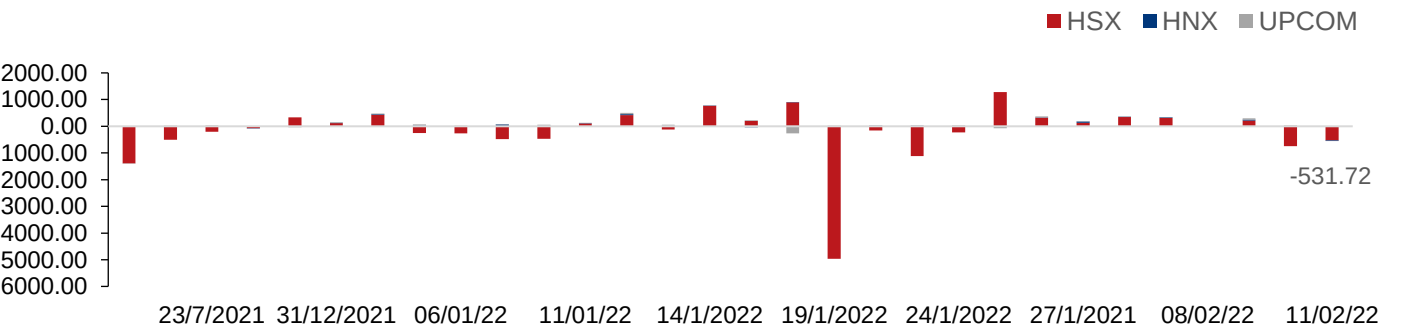
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EMC	19.15	6.98	0.01	400.00
SGN	81.30	6.97	0.05	37200
DIG	84.40	6.97	0.71	3.27MLN
ROS	7.98	6.97	0.08	15.47MLN
CII	29.20	6.96	0.14	11.39MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	99.00	-6.95	-0.04	100
TDP	24.80	-6.42	-0.03	111800
VSI	22.00	-6.38	-0.01	700.00
PGD	31.90	-4.78	-0.04	27500
HAG	11.10	-4.72	-0.13	14.09MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	33.9	1,267	26.8	1.8	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	39.3	1,968	20.0	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.4	-909	#N/A N/A	2.6	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	66.9	362	184.8	5.7	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	94.3	310	303.7	0.9	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	77.3	7,200	10.7	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	30.7	3,313	9.3	2.1	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	143.0	13,121	10.9	4.0	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	61.3	5,715	10.7	2.8	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.8	2,450	12.6	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	37.5	1,941	19.3	2.5	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.1	949	23.2	1.3	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.9	1,454	10.9	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	91.3	4,354	21.0	4.6	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	114.5	4,381	26.1	4.3	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	114.5	4,381	26.1	4.3	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	30.0	3,134	9.6	2.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.0	7,708	6.0	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	36.5	8,581	4.2	1.6	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	23.1	157	147.4	2.1	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.2	1,520	12.0	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.2	1,520	12.0	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	15.2	689	22.1	1.2	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.8	1,833	29.4	3.4	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.2	5,898	9.0	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	77.5	8,820	8.8	2.7	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	132.9	6,936	19.2	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	39.5	10,793	3.7	1.5	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	54.7	3,181	17.2	2.3	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.2	1,778	13.6	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	35.6	2,997	11.9	1.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.3	4,543	23.4	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.3	4,543	23.4	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.2	759	24.0	1.4	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.7	3,543	13.7	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.2	1,260	23.2	1.2	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.4	1,064	33.3	3.6	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.0	14,369	2.7	1.0	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	76.8	3,013	25.5	5.2	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.1	2,375	10.5	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.1	570	45.8	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	73.4	6,052	12.1	2.3	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	80.4	4,518	17.8	5.1	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	34.3	578	59.3	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	40.7	3499.1	11.6	1.7	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.5	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
2	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2022_20220113	x		Click
4	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
6	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
9	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
10	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
11	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
13	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
16	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
19	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
22	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
26	Banking Sector Outlook		x	Click
27	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
29	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
30	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
31	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
32	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
34	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
35	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
36	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
37	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
39	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
40	Fishery Outlook 2021		x	Click
41	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
42	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
43	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639